

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HN-PT
Ngày: 16/4/2018
V/v tranh chấp “Chia tài sản
chung sau ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu

Các Thẩm phán: Ông Ngô Dũng
Ông Hoàng Ngọc Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh AG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG: Ông Hồ Văn Ta, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/HN-PT, ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp “Chia tài sản chung sau ly hôn”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh AG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2018/QĐXX-DSPT ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Mai C, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 03 ấp T, thị trấn O, huyện TS, tỉnh AG.

2. ***Bị đơn:*** Bà Mai Thị T, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 03 ấp T, thị trấn O, huyện TS, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Lại Văn G, sinh năm 1968, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở Tư pháp AG. (Quyết định cử luật sư – cộng tác viên tham gia tố tụng số 04 ngày 12/01/2018) (có mặt)

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Bà Mai Thị Th, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 03 ấp T, thị trấn O, huyện TS, tỉnh AG.

3.2. Bà Lâm Thị K, sinh năm 1950. (có mặt)

Nơi cư trú: TTổ 03 ấp T, thị trấn O, huyện TS, tỉnh AG.

3.3. Bà Mai Thị X, sinh năm 1991. (có mặt)

3.4. Ông Liêu N, sinh năm 1990.

Cùng cư trú: Tổ 03 ấp T, thị trấn O, huyện TS, tỉnh AG.

Đại diện ủy quyền hợp pháp ông Liêu N là bà Mai Thị X, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ 03 ấp T, thị trấn O, huyện TS, tỉnh AG. (Giấy ủy quyền lập ngày 24/02/2018 tại Ủy ban nhân dân phường A, huyện T, tỉnh B) (có mặt)

4. *Người tham gia tố tụng khác:* bà Néang Si V – Phòng Dân tộc Đài phát thanh truyền hình AG. (có mặt)

5. *Người kháng cáo:* Bà Mai Thị T, bà Mai Thị X và ông Liêu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Mai C ngày 20/4/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có nội dung như sau: Ông Mai C sống chung với bà Mai Thị T từ năm 1989 và có đăng ký kết hôn theo quy định, vợ chồng chung sống có 02 con chung là Mai Thị X sinh 1991 và Mai Thị X Tiên sinh ngày 04/8/2005. Vợ chồng sống chung tạo được số tài sản chung là căn nhà tường cấp 4 (trị giá khoảng 220.000.000đ) gắn liền với diện tích đất thổ cư và vườn tạp theo đo đạc thực tế 949,6 m² (trị giá khoảng 100.000.000đ), tọa lạc tại ấp T, thị trấn O, TS, AG; Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn và chung sống được nữa nên vợ đã làm đơn xin ly hôn và Tòa án nhân dân huyện TS đã có bản án số 14 ngày 16/02/2017 quyết định cho ly hôn và việc nuôi con chung; Riêng phần tài sản chung không yêu cầu giải quyết nhưng nay không tự thỏa thuận được về tài sản của mỗi bên.

Nay ông Mai C yêu cầu Tòa án giải quyết chia số tài sản chung là diện tích đất làm 02 phần, căn nhà chia làm 03 phần; Trong đó, ông Mai C yêu cầu được hưởng ½ giá trị đất (50.000.000đ) và 1/3 giá trị căn nhà (70.000.000đ) và yêu cầu được nhận bằng giá trị tương đương 120.000.000đ.

Theo bản khai của bị đơn bà Mai Thị T ngày 19/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có nội dung như sau: Bà Mai Thị T thừa nhận những lời trình bày của anh Mai C về hôn nhân, con cái là hoàn toàn chính xác và quan hệ vợ chồng của bà đã được Tòa án nhân dân huyện TS cho ly hôn bằng bản án số 14 ngày 16 tháng 02 năm 2017. Về tài sản hiện tại là có căn nhà và diện tích đất thổ cư 1.004m² do bà và ông Mai C đứng tên giấy chứng nhận (đất tọa lạc tại ấp Tân Đông, Óc Eo, TS, AG). Trong đó, căn nhà do con gái Mai Thị X sinh 1991 và con rể tên Liêu N sinh năm 1990 đi làm thuê và dành dụm được số tiền 190.000.000đ để hùn vào xây dựng căn nhà trị giá 260.000.000đ. Ngoài ra, có mượn của mẹ ruột Lâm Thị K 40.000.000đ và em gái Mai Thị Th số tiền 20.000.000đ.

Nay ông Mai C yêu cầu chia tài sản là toàn bộ giá trị căn nhà và diện tích đất thổ cư mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị thì bà Mai Thị T không đồng ý, chỉ chấp nhận chia $\frac{1}{2}$ giá trị diện tích đất cho ông Mai C, riêng căn nhà là của con gái và rở bỏ tiền xây cất nên không đồng ý chia.

Theo bản khai người có quyền lợi liên quan vợ chồng anh Liêu N, chị Mai Thị X ngày 18/7/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có nội dung: Anh Liêu N là rở, chị Mai Thị X là con ruột của ông Mai C, bà Mai Thị T, do mâu thuẫn cha mẹ không còn tình cảm nên đã ly hôn. Căn nhà mà cha Mai C yêu cầu chia là do tiền của vợ chồng anh N, chị X làm ăn dành dụm để đưa cho mẹ cất căn nhà này có giá trị khoảng 260.000.000đ và cất vào năm 2016, giấy tờ mua vật tư và vay thêm tiền để cất nhà đều có giấy tờ chứng minh, do không đủ tiền cất nên đã có mượn bà Ngoại tên Lâm Thị K và di ruột Mai Thị Th số tiền 60.000.000đ đến nay vẫn chưa trả.

Nay ba là ông Mai C yêu cầu chia giá trị $\frac{1}{2}$ đất thổ cư và 70.000.000đ giá trị căn nhà thì vợ chồng anh N chị X không đồng ý, chỉ chấp nhận chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất thổ cư là 50.000.000đ. Tại phiên tòa anh Liêu N vắng mặt, có xin phép xét xử vắng mặt.

Theo bản khai người có quyền lợi liên quan bà Lâm Thị K, chị Mai Thị Th ngày 09/8/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có nội dung: Bà Lâm Thị K là mẹ và Mai Thị Th là em ruột của Mai Thị T. Trước đây khi vợ chồng Mai C, Mai Thị T cất nhà thì vợ chồng cháu Liêu N, Mai Thị X có hỏi mượn của chị Th 20.000.000đ và của bà K là 40.000.000đ nói là để trả tiền xây nhà. Vừa qua vợ chồng của 02 cháu là Liêu N, Mai Thị X có hứa là chịu trách nhiệm và sẽ gửi tiền về trả.

Nay vợ chồng Mai C và Mai Thị T yêu cầu chia tài sản chung nhà và đất thì bà Lâm Thị K, chị Mai Thị Th không có yêu cầu gì, riêng số nợ sẽ thỏa thuận giải quyết với 02 cháu Liêu N và Mai Thị X sau.

Tòa án đã mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, các đương sự giao tiếp được tiếng việt nên khi hòa giải không yêu cầu phiên dịch tiếng khmer; Đồng thời Tòa án có yêu cầu các đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ nhưng các bên xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Qua đo đạc thực tế theo bản vẽ ngày 30/10/2017 thì diện tích đất thổ cư và vườn tạp do ông Mai C, bà Mai Thị T đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số H00375pH cấp ngày 01/11/2005 có diện tích là 949,6m². Đồng thời, ngày 30/11/2017 các đương sự thống nhất thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp gồm căn nhà có giá trị 220.000.000đ và diện tích đất có giá trị 100.000.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 113/2017/DSST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh AG xử:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Mai C.

+ Công nhận diện tích đất 949,6m² theo giấy chứng nhận số H00375pH ngày 01/11/2005 là tài sản chung của ông Mai C và bà Mai Thị T; Căn nhà tường cấp 4, tọa lạc trên diện tích đất 949,6m² (theo bản vẽ ngày 30/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TS) là tài sản chung của ông Mai C, bà Mai Thị T và vợ chồng Liêu N, Mai Thị X.

+ Ông Mai C được chia ½ giá trị đất (949,6m²) bằng số tiền 50.000.000đ và 1/3 giá trị căn nhà bằng 70.000.000đ, tổng cộng số tiền ông Mai C được chia là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

+ Bà Mai Thị T được chia ½ giá trị diện tích đất 949,6m² theo giấy chứng nhận số H00375pH ngày 01/11/2005, đồng thời cùng với vợ chồng anh Liêu N, chị Mai Thị X được chia 2/3 giá trị căn nhà bằng 150.000.000đ.

+ Giao căn nhà tường cấp 4 và toàn bộ diện tích đất 949,6m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00375pH ngày 01/11/2005 (theo bản vẽ ngày 30/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TS xác lập) cho bà Mai Thị T và vợ chồng anh Liêu N, chị Mai Thị X toàn quyền sở hữu và sử dụng, đồng thời có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục tách bộ, sang tên.

+ Buộc bà Mai Thị T và vợ chồng anh Liêu N, chị Mai Thị X có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Mai C số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm Bà Mai Thị T, bà Mai Thị X và ông Liêu N có đơn kháng cáo, kháng cáo bản án số 113/2017/DSST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện TS, tỉnh AG, cụ thể:

Bà Mai Thị T kháng cáo: Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện TS, tỉnh AG, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, bà T chỉ đồng ý chia cho ông Mai C số tiền 50.000.000 đồng trong giá trị quyền sử dụng đất. Không chấp nhận việc chia tài sản trong giá trị căn nhà vì số tiền trong việc xây dựng nhà không phải của chung tài sản vợ chồng xây dựng.

Bà Mai Thị X và ông Liêu N kháng cáo: Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện TS, tỉnh AG, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, bà X ông N chỉ đồng ý chia cho ông Mai C số tiền 50.000.000 đồng trong giá trị quyền sử dụng đất và 50% giá trị QSDĐ trong phần diện tích căn nhà. Không chấp nhận việc chia tài sản trong giá trị căn nhà vì số tiền trong việc xây dựng nhà không phải của chung tài sản vợ chồng ông C và bà T xây dựng.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Đối với Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng khác: người phiên dịch, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (ông Giang), tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 74, 75, 76 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về hướng đề xuất giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên xử: hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về hình thức:* Đơn kháng cáo của bà Mai Thị T, bà Mai Thị X và ông Liêu N trong hạn luật định có tạm nộp án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. *Về nội dung:*

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm ông Mai C và bà Mai Thị T thống nhất tài sản chung của ông bà là diện tích đất ở 1000,4m² nhưng theo đo đạc thực tế chỉ còn lại 949,6m² và hai bên thống nhất diện tích đất có giá trị 100.000.000 đồng, đồng ý chia mỗi người ½, bà T nhận đất, hoàn giá trị đất cho ông C 50.000.000 đồng.

Đối với căn nhà tường cấp 4, vách xây gạch, mái lợp tole, nền gạch men gắn liền với diện tích đất, ông C cho rằng căn nhà này do ông và bà T tạo lập nhưng có phần đóng góp của Liêu N, Mai Thị X (con rể và con ruột), theo ông căn nhà có giá trị 220.000.000 đồng, ông đồng ý nhận 1/3 giá trị căn nhà là 70.000.000 đồng, còn bà T và Liêu N, Mai Thị X nhận căn nhà hoàn tiền cho ông 70.000.000 đồng. Nhưng yêu cầu này không được bà T và Liêu N, Mai Thị X đồng ý vì các ông bà T, X, N cho rằng ông C không có đóng góp tiền xây dựng nhà, ông C chỉ có công quản lý trong quá trình xây dựng nhà

nên bà T và Liêu N, Mai Thị X đồng ý trả tiền công cho ông C 20.000.000 đồng.

Cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ nội dung tranh chấp, hòa giải nhưng các bên không đi đến thống nhất. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Thấy rằng ông C và bà T thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện TS, hai bên không đặt ra yêu cầu chia tài sản chung, tài sản vợ chồng để cho bà T quản lý, sử dụng cùng với hai con chung, ông C về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Sau đó ông C có đơn khởi kiện tranh chấp tài sản chung, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông C đều cho rằng căn nhà là do vợ chồng xây dựng có phần đóng góp của con, nhưng ông không biết chính xác vợ chồng có bao nhiêu tiền (vì vợ là người giữ tiền) và các con đóng góp xây nhà bao nhiêu tiền.

Theo các chứng cứ thu thập quá trình giải quyết vụ án xác định căn nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông C, bà T và căn nhà được xây dựng trên đất của vợ chồng, không thể hiện có sự thỏa thuận về xây dựng nhà giữa ông C, bà T với vợ chồng Liêu N, Mai Thị X.

Việc mua vật liệu xây dựng đều do ông C, bà T thực hiện, cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ là những người bán vật tư xây dựng thể hiện: Biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2017 đối với bà Tuyết (cửa hàng Tuyết Hạnh) (BL 28), thì vợ chồng bà T còn nợ hơn 2.000.000 đồng không trả; Biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2018 đối với bà Mai Thị T (BL 144), bà T cho rằng khi xây dựng nhà còn nợ cửa hàng Tuyết Hạnh 2.000.000 đồng và nợ Tám Báu 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông C, bà T đều xác định căn nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân đây là tài sản chung của vợ chồng không có thỏa thuận đồng sở hữu với các con và ông C còn thừa nhận khi xây dựng nhà còn nợ tiền vật tư của bà Tuyết, ông Báu khoản 8.000.000 đồng đến nay chưa trả và thừa nhận con ông con mượn tiền của bà K (mẹ vợ) và bà Th (em vợ) để góp tiền xây dựng nhà nhưng không biết bao nhiêu vì con ông không cho ông biết. Các chứng cứ này cấp sơ thẩm chưa làm rõ đây là nợ chung hay nợ riêng để xác định nghĩa vụ người nào phải trả nợ và từ đó xác định giá trị còn lại của căn nhà để phân chia.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để xác định căn nhà có phần đóng góp của Liêu N, Mai Thị X bao nhiêu, từ đó xác định sở hữu căn nhà và người được sở hữu căn nhà có nghĩa vụ hoàn lại số tiền đóng góp cho Liêu N, Mai Thị X để giải quyết triệt để vụ án.

Nhưng án sơ thẩm xét xử giao căn nhà tường cấp 4 và toàn bộ diện tích đất 949,6m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00375pH ngày 01/11/2005 (theo bản vẽ ngày 30/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất

đại chi nhánh TS xác lập) cho bà Mai Thị T và vợ chồng anh Liêu N, chị Mai Thị X toàn quyền sở hữu và sử dụng, đồng thời có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục tách bộ, sang tên. Thấy rằng diện tích đất là của ông C, bà T, nếu bà T nhận đất phải hoàn giá trị đất cho ông C bằng 50% là 50.000.000 đồng để được toàn quyền sử dụng, vợ chồng Liêu N, Mai Thị X không có quyền đối với phần đất này.

Về sở hữu căn nhà, chưa có chứng cứ minh phần góp tiền xây dựng nhà từ vợ chồng Liêu N, Mai Thị X và không thể hiện có thỏa thuận về sở hữu căn nhà giữa bà T và vợ chồng Liêu N, Mai Thị X. Do đó vợ chồng Liêu N, Mai Thị X không có quyền đồng sở hữu căn nhà với bà T, nên vợ chồng Liêu N, Mai Thị X không có nghĩa vụ cùng bà T hoàn giá trị đất và giá trị căn nhà (120.000.000 đồng) cho ông C.

Hơn nữa trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, vợ chồng Liêu N, Mai Thị X không có yêu cầu độc lập về việc sử dụng đất và sở hữu nhà nên không tạm nộp án phí về yêu cầu này. Việc cấp sơ thẩm xét xử giao nhà và đất cho bà T và vợ chồng Liêu N, Mai Thị X cùng sử dụng và sở hữu là vượt quá yêu cầu của đương sự.

Từ những căn cứ trên cho thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có cơ sở, cấp sơ thẩm có sai sót nghiêm trọng nên hủy bản án sơ thẩm, giao vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: Do hủy án nên án phí dân sự sơ thẩm được xem xét khi giải quyết lại vụ án, án phí dân sự phúc thẩm và T và ông Liêu N, bà Mai Thị X được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự,

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy bản án sơ thẩm số 113/2017/HNGĐ-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh AG.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện TS giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: các đương sự có kháng cáo được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện TS, cụ thể bà Mai Thị T được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000879

ngày 08/01/2018; bà Mai Thị X và ông Liêu N được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000897 ngày 15/01/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hữu Giàu